

Bản án số: 121/2018/HS-ST
Ngày 27-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, TP HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhã

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Trần Đình Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 112/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn H, sinh ngày 16/01/1980 tại thành phố H; nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện T, thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Lê Thị B và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 19/7/2018 đến ngày 25/7/2018 chuyển tạm giam; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đoàn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghiện ma túy nên khoảng 11 giờ ngày 19/7/2018, Trần Văn H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16N1-9191 đi sang khu vực đường tàu nội thành H mua của một người đàn ông không quen biết 01 gói ma túy đá với giá 150.000

đồng để sử dụng cho bản thân. Sau khi mua được ma túy, H cất giấu số ma túy trên vào túi quần phía trước bên trái và điều khiển xe mô tô về nhà. Khi H về đến khu vực nghĩa trang thuộc Thôn H, xã L, huyện T thì bị lực lượng công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang. Thu giữ tại túi quần phía trước bên trái của H 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa tinh thể màu trắng và 01 xe mô tô biển kiểm soát 16N1-9191. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở và khu vực có liên quan của Trần Văn H thu giữ: 05 vỏ túi nilon màu trắng; 01 đoạn ống hút bằng nhựa màu đen một đầu vát nhọn, một đầu hàn kín; 01 bật lửa ga và 01 kéo.

Tại bản Kết luận giám định số 417 ngày 22/7/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố H kết luận: Tinh thể màu trắng chứa trong 01 túi nilon thu giữ của Trần Văn H là ma túy, có khối lượng 0,2375 gam, là loại Methamphetamine.

Bản Cáo trạng số 125/CT-VKSTN ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo H khai nhận hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, do nghiện ma túy nên bị cáo đã có hành vi đi mua ma túy và cất giấu trong người để sử dụng cho bản thân, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo H đã có hành vi cất giấu trái phép Methamphetamine có khối lượng 0,2375 gam để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo H từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù. Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong chứa số ma túy và vỏ bao bì còn lại sau giám định; 05 vỏ túi nilon màu trắng; 01 đoạn ống hút bằng nhựa màu đen một đầu vát nhọn, một đầu hàn kín; 01 bật lửa ga và 01 kéo. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Đồng ý với cáo trạng và bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo thuộc hộ nghèo của địa phương xã H, hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, bị cáo trình độ

học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, vì vậy đã dẫn đến việc bị cáo thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là bị cáo thuộc hộ nghèo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét, áp dụng mức hình phạt thấp nhất đối với bị cáo. Bị cáo thuộc hộ nghèo, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo là cá nhân thuộc hộ nghèo thuộc trường hợp được miễn án phí và bị cáo có đơn đề nghị miễn, giảm án phí nên kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hành vi, quyết định tố tụng của thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Về tội danh và điều luật áp dụng:

[3]. Bị cáo H đã có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy là Methamphetamine có khối lượng 0,2375 gam để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo là cố ý và nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy được pháp luật bảo vệ, vi phạm Luật phòng chống ma túy, tiếp tay cho hoạt động mua bán trái phép chất ma túy và là nguyên nhân gây nên các loại tội phạm khác. Với hành vi nêu trên, bị cáo H đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H.

- Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất vụ án và hình phạt:

[4]. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về việc cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo thuộc hộ nghèo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận.

[5]. Bị cáo H là đối tượng nghiện ma túy, đã một lần cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội Hải Phòng mà vẫn còn nghiện, bị cáo có nhân thân xấu nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt và buộc bị cáo chấp hành tại trại giam trong một thời hạn nhất định nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[6]. Khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, bị cáo H là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, không có thu nhập và tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

[7]. 01 phong bì niêm phong chứa số ma túy và vỏ bao bì còn lại sau giám định, 05 vỏ túi nilon màu trắng, 01 đoạn ống hút bằng nhựa màu đen một đầu vát nhọn, một đầu hàn kín, 01 bật lửa ga và 01 kéo được xác định là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8]. Trong vụ án này, đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16N1-9191 công an thu giữ của Trần Văn H, H khai mua của một người phụ nữ không quen biết, không có giấy đăng ký xe. Tra cứu số khung, số máy không phù hợp với biển kiểm soát N1-9191 gắn trên xe. Tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ xác định chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau. Đối với đối tượng bán ma túy cho H, quá trình điều tra không xác định được căn cước, lai lịch nên không có cơ sở để điều tra.

- Về án phí: Bị cáo H là cá nhân thuộc hộ nghèo năm 2018 của địa phương xã H quản lý và bị cáo có đơn xin miễn, giảm án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn H 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/7/2018.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong chứa số ma túy và vỏ bao bì còn lại sau giám định, 05 vỏ túi nilon đã qua sử dụng, 01 đoạn ống hút nhựa màu đen một đầu hàn kín, một đầu vát nhọn đã qua sử dụng, 01 bật lửa ga đã qua sử dụng và 01 kéo đã qua sử dụng (theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H).

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Trần Văn H.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan điều tra CA H.Thủy Nguyên;
- Cơ quan THAHS CA H.Thủy Nguyên;
- Trại tạm giam CATP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhã